

Dự thảo

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11 -NQ/TW, ngày 10/02/2022 của
Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Xem xét Báo cáo của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ý kiến của các cơ quan, Bộ Chính trị kết luận:

Sau hơn 03 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, phát triển vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đạt nhiều kết quả tích cực. Nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; về các quan điểm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển vùng được nâng cao. Tăng trưởng GRDP của vùng cao hơn bình quân chung cả nước; quy mô kinh tế tiếp tục được mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch khá tích cực theo hướng giảm dần tỉ trọng các ngành nông lâm, thủy sản và gia tăng tỉ trọng các ngành dịch vụ và công nghiệp; kinh tế cửa khẩu, du lịch, thủy điện dần trở thành ngành kinh tế quan trọng; thu ngân sách hàng năm có xu hướng tăng, tỉ lệ hỗ trợ cân đối ngân sách địa phương trong vùng giảm dần. Kết cấu hạ tầng, nhất là các tuyến cao tốc, quốc lộ kết nối liên vùng và hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư. Một số địa phương có sự phát triển bứt phá, là điểm sáng trong vùng và cả nước về tăng trưởng, phát triển những ngành công nghiệp mới như điện, điện tử. Chương trình nông thôn mới đạt nhiều kết quả; tỉ lệ che phủ rừng đạt cao hơn nhiều bình quân chung cả nước. Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển; tỉ lệ nghèo đa chiều giảm nhanh, đời sống nhân dân tiếp tục được nâng cao.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết còn nhiều hạn chế, yếu kém như: chậm xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù vùng; quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực, địa phương triển khai chậm và thiếu đồng bộ; hệ thống cơ sở dữ liệu vùng chưa được xây dựng; hạ tầng giao thông kết nối thiếu đồng bộ; quy mô nền kinh tế vùng còn nhỏ; doanh nghiệp quy mô nhỏ, sức cạnh tranh hạn chế; đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ; tốc độ đô thị hóa thấp. Nhiều phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại; chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu; tỉ lệ lao động qua đào tạo thấp. Tỉ

lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

Trước bối cảnh thế giới, trong nước và điều chỉnh không gian các vùng; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng... nên việc tổ chức thực hiện Nghị quyết cần được rà soát, điều chỉnh toàn diện cả về tư duy phát triển, thể chế, phương thức điều phối và phân bổ nguồn lực; tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tái cấu trúc không gian phát triển vùng, phát huy lợi thế so sánh để phát triển vùng, thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước trong Kỷ nguyên mới.

Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TW gắn với việc triển khai đồng bộ Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các chủ trương, định hướng tại các nghị quyết chiến lược của Đảng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Phần đầu đạt được các chỉ tiêu đến năm 2030 như sau:

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 9-10%/năm; tỉ trọng trong GRDP của khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm khoảng 11,5%, công nghiệp, xây dựng chiếm 45,6% và dịch vụ chiếm 36,8%; thuế trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,1%; GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 150 triệu đồng/người/năm; năng suất lao động theo giá so sánh tăng bình quân trên 8,5%/năm; tỉ trọng kinh tế số chiếm 30%; tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%; có 80 % số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70 %; tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%; Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,75; tỉ lệ trẻ mẫu giáo đến trường trên 96% và huy động trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 100%; tỉ lệ nghèo đa chiều giảm hàng năm từ 2-3% năm; đạt trên 11 bác sĩ/vạn dân, 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96% dân số; tuổi thọ trung bình đạt 74 tuổi.

Tỉ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 55%; tỉ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95 - 100%, tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là 93 - 95%; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn trên 95%; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỉ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; tỉ lệ nước thải sinh hoạt

đô thị được thu gom, xử lý đạt 95%; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả theo hướng xanh, bền vững và toàn diện; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới phù hợp điều kiện của vùng.

Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, ưu tiên công nghiệp cơ khí, chế tạo, điện tử, công nghệ số; đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản, dược liệu, công nghiệp luyện kim, hóa chất, phân bón, công nghiệp điện, điện tử, cơ khí, lắp ráp thiết bị máy móc, ô tô, xe máy; tiếp tục phát triển hiệu quả năng lượng tái tạo, thủy điện; đầu tư phát triển các cụm liên kết ngành về công nghiệp công nghệ thông tin, chế biến chế tạo. Khai thác hiệu quả gắn với chế biến sâu các khoáng sản gắn với vùng nguyên liệu có thể mạnh. Khuyến khích phát triển công nghiệp bán dẫn từ khai thác đất hiếm, sản xuất chip (sản xuất wafer, in đúc chip...), hình thành chuỗi các sản phẩm thiết bị điện tử vùng và liên vùng. *Phát triển nông nghiệp* hiện đại, hiệu quả và bền vững ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ. Đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, cây dược liệu; chăn nuôi gia súc gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; phục hồi rừng sinh thái, đa tầng và mở rộng rừng sản xuất quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến. Chuyển đổi chăn nuôi nông hộ sang liên kết chuỗi, nhất là đại gia súc, thủy sản nước lạnh. *Phát triển mạnh các loại dịch vụ mới*, nhất là dịch vụ thương mại, logistics, vận tải, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá. Đầu tư phát triển các Khu kinh tế cửa khẩu gắn với các cửa khẩu quốc tế. Liên kết khai thác lợi thế tài nguyên du lịch; hình thành các trung tâm du lịch đặc trưng của vùng như du lịch về nguồn, tham quan bản sắc văn hóa dân tộc; hệ sinh thái núi cao, hang động; nghỉ dưỡng núi rừng.

3. Khẩn trương điều chỉnh Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng xanh, bền vững và toàn diện; gồm 09 tỉnh là Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La để phù hợp với Quy hoạch quốc gia và các chủ trương, định hướng của Trung ương về phân chia vùng. Tổ chức không gian vùng thành 03 tiểu vùng, trong đó: (i) *Tiểu vùng phía Tây* gồm 03 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp du lịch; phát triển các loại hình du lịch đặc trưng; phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng sạch, bền vững; khai thác và chế biến sâu khoáng sản tại Lai Châu. (ii) *Tiểu vùng Tây Bắc* gồm 03 tỉnh Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu tại Lào Cai, Tuyên Quang; công nghiệp chế biến, chế tạo; khai thác và chế biến sâu khoáng sản tại Lào Cai; du lịch trở thành ngành mũi nhọn của tiểu vùng và toàn vùng; kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững. (iii) *Tiểu vùng Đông Bắc* gồm 03 tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn và Cao Bằng tập trung phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử, thiết bị điện, bán

dẫn, năng lượng điện gió; kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ giao thương, vận chuyển hàng hóa của cả nước; du lịch về nguồn gắn với các địa danh lịch sử, cội nguồn cách mạng; kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững.

Ban hành cơ chế, thể chế liên kết nội vùng, liên vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tập trung vào liên kết vào việc đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng; việc khai thác tiềm năng, lợi thế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch và kinh tế cửa khẩu; việc quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên nước, khoáng sản, tài nguyên rừng; việc tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ của các thành phần kinh tế; trong ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Thí điểm, xây dựng, triển khai một số cơ chế, chính sách đặc thù như cơ chế, chính sách về chuyển đổi các diện tích rừng, cơ chế đặc thù hỗ trợ các địa phương có nhiệm vụ giữ gìn an ninh biên giới, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, bảo vệ và giữ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Kiện toàn và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng điều phối vùng theo hướng thực quyền; nâng cao năng lực đội ngũ và xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành phát triển vùng.

Hình thành và phát triển các Hành lang kinh tế nội vùng, liên vùng, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của vùng Đồng bằng sông Hồng gồm: Hành lang kinh tế Lào Cai - Phú Thọ - Hà Nội; Hành lang kinh tế Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội; Hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Phú Thọ - Hà Nội; hành lang kinh tế Tuyên Quang - Phú Thọ - Hà Nội; Hành lang kinh tế Cao Bằng - Thái Nguyên - Hà Nội. Tập trung xây dựng vành đai công nghiệp Thái Nguyên - Phú Thọ gắn với Bắc Ninh thành vành đai công nghiệp liên vùng; vành đai biên giới để kết nối các tỉnh biên giới; Vành đai hỗ trợ trung chuyển hàng hóa để liên kết các trung tâm chế biến của vùng với thị trường, các sân bay, cảng biển lớn; Vành đai đô thị - công nghiệp - dịch vụ và hành lang đường sắt là động lực thúc đẩy tăng trưởng cả vùng, liên kết các trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ của vùng với Thủ đô Hà Nội...

4. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các tuyến đường bộ cao tốc, các tuyến đường bộ nối các địa phương với đường cao tốc, các đường vành đai biên giới, các tuyến quốc lộ quan trọng kết nối các địa phương trong vùng. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các tuyến Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên; Bắc Kạn - Cao Bằng; Bảo Hà - Lai Châu; đường vành đai 5 trên địa bàn vùng. Hoàn thành dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Lai Châu. Nghiên cứu đầu tư và nâng cấp một số cảng hàng không trong vùng như Lai Châu, Nà Sản, Sa Pa, Cao Bằng. Đầu tư và hoàn thành xây dựng đường sắt Lào Cai - Hà Nội, Lạng Sơn - Hà Nội.

Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số hồ chứa nước lớn để điều tiết nguồn nước hồ Nghinh Tường, Thượng Tiến, Phiêng Lú... Nâng cấp và bổ sung xây mới các hệ thống thủy lợi Pa Khoang-Nậm Rốm, Liễn Sơn. Xây dựng các hồ chứa, công trình thủy lợi nhỏ, phân tán để cấp nước các vùng khan hiếm nước các tỉnh

Tuyên Quang, Cao Bằng, Lai Châu... Xây dựng các công trình thoát nước cho các đô thị trung tâm tại các tỉnh Tuyên Quang, Lào Cai, Phú Thọ... Đầu tư phát triển các khu công nghệ số tập trung chuyên sâu sản xuất phần cứng, thiết bị điện tử, linh kiện, công nghiệp bán dẫn và công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp công nghệ số; phát triển các nền tảng, hạ tầng logistics thông minh, thương mại điện tử xuyên biên giới và các dịch vụ công nghệ số.

5. Phát triển hệ thống đô thị bền vững, gắn với bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, bản sắc và giá trị truyền thống của các dân tộc gắn với các cực tăng trưởng; chú trọng phát triển các đô thị tại các khu vực khu kinh tế cửa khẩu, khu vực biên giới; gia tăng mức độ nén ở những khu vực có địa hình phù hợp. Xác định rõ chức năng của từng đô thị, nhất là đô thị động lực phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính; tăng cường kết nối giữa đô thị - nông thôn. Đầu tư các dự án hạ tầng đô thị trọng điểm, các vùng đô thị động lực để lan tỏa, thúc đẩy khu vực khác phát triển; ưu tiên phát triển các đô thị gắn với các hành lang kinh tế; các đô thị dọc hành lang biên giới. Rà soát, phân loại các đô thị trung tâm cấp huyện (cũ) để phát triển thành các trung tâm dịch vụ, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, các hoạt động dịch vụ công khác.

6. Phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo toàn diện nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cơ cấu lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, hiện đại, tự chủ, gắn với các ưu tiên phát triển vùng, ngành và lĩnh vực; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp; khuyến khích đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ. Hình thành và phát triển các tổ chức khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của vùng gắn với nông nghiệp sạch kết hợp du lịch, chế biến nông - lâm sản, khoáng sản, phát triển các khu công nghệ số tập trung chuyên sâu vào hoạt động sản xuất phần cứng, thiết bị điện tử, linh kiện; công nghiệp bán dẫn và công nghiệp phụ trợ ngành công nghiệp công nghệ số; phát triển các nền tảng, hạ tầng logistics thông minh, thương mại điện tử xuyên biên giới và các dịch vụ công nghệ số.

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; sử dụng các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Nâng cấp và phát triển hạ tầng internet vạn vật (IoT) để phục vụ cho phát triển kinh tế số, xã hội số, trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực thành phố thông minh, nhà máy thông minh, giao thông thông minh.

7. Phát triển văn hoá ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội, gắn với xây dựng thể trận an ninh văn hoá, an ninh con người; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh từ gia đình, nhà trường đến xã hội và không gian số. Bảo tồn, phát huy

giá trị các di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, nhất là các công trình văn hóa, lịch sử; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số, đặc biệt quan tâm nhóm dân tộc đặc thù, khó khăn; nghiên cứu xây dựng mô hình “không gian bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch”. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp lấy địa bàn cơ sở, người dân làm trung tâm.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm của vùng. Xây dựng mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc mọi đối tượng; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương. Tiếp tục sắp xếp các cơ sở giáo dục đại học, phát triển mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới; tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn. Phân cấp mạnh cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính quyền địa phương. Thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, trường học số, lớp học thông minh; phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia. Đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học, chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - nghệ thuật - toán học (STEM/STEAM), không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Hoàn thành việc đầu tư, xây dựng mạng lưới trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và biên giới trước năm 2030.

Rà soát quy hoạch ngành cấp quốc gia về mạng lưới cơ sở y tế theo đơn vị hành chính mới. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở dịch vụ y tế chuyên sâu đáp ứng hiệu quả nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi bảo đảm vùng có ít nhất 1 bệnh viện chuyên sâu mức kỹ thuật cao; mỗi tỉnh đều có bệnh viện đạt cấp chuyên sâu, bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Tiếp tục giảm nhanh tỉ lệ hộ nghèo; chăm lo đời sống Nhân dân, giảm tăng trưởng kinh tế với tạo việc làm bền vững, nâng thu nhập; thu hẹp chênh lệch vùng miền, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong toàn vùng.

8. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái. Xây dựng cơ chế chia sẻ nguồn nước liên tỉnh, liên ngành; quản lý chặt chẽ khai thác cát, sỏi lòng sông. Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với thiên tai, nhất là phòng, chống lũ lụt sạt lở tại vùng trung du và miền núi, di dời tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, quý hiếm. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý có hiệu quả vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường; nâng cao

năng lực dự báo và giám sát môi trường.

9. Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững. Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại. Phối hợp liên ngành - liên vùng, tăng cường hợp tác với các nước láng giềng, tổ chức quốc tế xử lý hiệu quả các vấn đề biên giới; xây dựng các phương án bảo đảm an ninh trong các tình huống bất thường. Nâng cao năng lực lực lượng biên phòng; áp dụng mạnh mẽ công nghệ số, AI, viễn thám quản lý biên giới; tổ chức tuần tra, kiểm soát chặt chẽ khu vực biên giới. Thực hiện hiệu quả đối ngoại 3 trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, bảo đảm nguồn lực cho đối ngoại tương xứng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền trong vận hành thông suốt, đồng bộ hiệu quả tổ chức bộ máy mới. Thực hiện tốt công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã, nhất là trong lĩnh vực tài chính, đất đai, quy hoạch, công nghệ thông tin. Phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức đánh giá và bố trí, sử dụng cán bộ đáp ứng yêu cầu công việc. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong việc tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

11. Tổ chức thực hiện

- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, ban đảng Trung ương; các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh, thành phố vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận gắn với Nghị quyết số 11-NQ/TW.

- Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các luật, pháp lệnh có liên quan; đề xuất các chính sách vượt trội và tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng uỷ Chính phủ: (i) Ban hành Chương trình hành động triển khai Kết luận; (ii) Ban hành Quy hoạch phát triển vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để định hướng cho các địa phương; (iii) Hoàn thiện cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng theo chủ trương của Đảng tại Đại hội XIV, chuyển từ tư duy phối hợp sang tư duy điều hành thực chất; (iv) Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách vượt trội và bổ sung nguồn lực để phát triển bền vững vùng Trung du và miền núi

Bắc Bộ theo tinh thần của Kết luận; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; vận động các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Kết luận này.

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 11-NQ/TW và Kết luận này, báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ

Trần Cẩm Tú